

Số: 1394 /TB-HĐXT

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO

Bổ sung kết quả điểm phỏng vấn và tiêu chí xác định người trúng tuyển trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn (đạt từ 50 điểm trở lên) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của đơn vị đăng ký dự tuyển tại kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế

Thực hiện Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019 và Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019.

Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế đã tổ chức xét tuyển viên chức năm 2019 theo quy định của pháp luật.

Theo đó, ngày 08 tháng 12 năm 2020, Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế năm 2019 đã có Thông báo số 1290/TB-HĐX về kết quả xét tuyển viên chức (vòng 2) năm 2019.

Để thực hiện các yêu cầu tiếp theo của kỳ xét tuyển viên chức năm 2019, Sở Y tế thông báo như sau:

1. Bổ sung kết quả điểm phỏng vấn (vòng 2) tại kỳ xét tuyển viên chức năm 2019 (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Về xác định người trúng tuyển đối với trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn (đạt từ 50 điểm trở lên), bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của đơn vị đăng ký dự tuyển tại kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế:

2.1. Số thí sinh có điểm phỏng vấn (đạt từ 50 điểm trở lên), bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng: 40 thí sinh thuộc 14 đơn vị tuyển dụng (Có danh sách chi tiết kèm theo).

2.2. Cơ sở xác định người trúng tuyển đối với trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn (đạt từ 50 điểm trở lên), bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng của đơn vị tuyển dụng:

Căn cứ quy định tại Khoản 6 (Sửa đổi, bổ sung Điều 13), Điều 2 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức):

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn hoặc thực hành quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này cộng với điểm ưu tiên quy định

tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn hoặc thực hành vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

Căn cứ đề xuất của Hội đồng Xét tuyển, Giám đốc Sở Y tế đã ban hành Quyết định Quy định Tiêu chí xác định người trúng tuyển đối với trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn (đạt từ 50 điểm trở lên), bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng thuộc đơn vị đăng ký dự tuyển, là người có điểm phỏng vấn cao hơn được xem xét theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

1) Có trình độ đào tạo cao hơn về chuyên môn đúng với chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng.

2) Có kinh nghiệm công tác đúng với vị trí việc làm cần tuyển dụng (thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại vị trí đúng với vị trí việc làm cần tuyển dụng tính đến hết ngày 30/11/2020). Nếu thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục tại vị trí đúng với vị trí việc làm cần tuyển dụng thì được cộng dồn.

3) Có điểm học tập trung bình toàn khóa cao hơn.

4) Có tuổi đời cao hơn.

5) Ưu tiên thí sinh là nữ.

6) Nếu khi xem xét diện ưu tiên theo các thứ tự trên mà vẫn không xác định được người trúng tuyển, Sở Y tế sẽ tiếp tục xem xét để thống nhất quyết định.

3. Hồ sơ để xác định người trúng tuyển ở chỉ tiêu cuối cùng:

Để có cơ sở xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức năm 2019, yêu cầu các đơn vị tuyển dụng và thí sinh có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 (đạt từ 50 điểm trở lên) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng (có tên trong danh sách kèm theo) thực hiện một số nội dung sau:

3.1. Hồ sơ đề nghị xác định người trúng tuyển gồm:

- 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm đã đăng ký dự tuyển. Trường hợp có văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo ở nước ngoài cấp hoặc đào tạo trong nước bằng tiếng nước ngoài phải có bản công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.

- Bản sao giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng lao động tại vị trí đúng với vị trí việc làm cần tuyển dụng (nếu có).

- Bản sao chứng thực sổ BHXH hoặc xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của cơ quan bảo hiểm xã hội (nếu có).

- Bản đánh giá quá trình công tác của cá nhân có xác nhận của đơn vị công tác (nếu có).

3.2. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian: Trong giờ hành chính ngày 22/12/2020. Quá thời hạn này, Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế sẽ không xem xét giải quyết.

- Địa điểm: Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế Hà Nội (số 4 Sơn Tây, Ba Đình, Hà Nội).

Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019 của Sở Y tế thông báo đến các thí sinh tham dự xét tuyển và đơn vị tuyển dụng để biết và thực hiện.

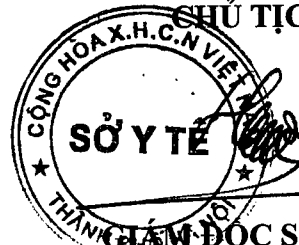
Yêu cầu, các đơn vị tuyển dụng có trách nhiệm thông báo đến thí sinh đăng ký dự tuyển được biết để thực hiện các nội dung trên đúng tiến độ thời gian quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Thường trực Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế (qua phòng Tổ chức cán bộ) để tổng hợp xin ý kiến giải quyết./.

Nơi nhận: *W*

- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Đoàn kiểm tra tuyển dụng viên chức Thành phố (để báo cáo);
- Ban giám đốc Sở Y tế (để chỉ đạo);
- Hội đồng xét tuyển viên chức SYT;
- Ban giám sát xét tuyển viên chức Sở Y tế;
- Các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng để thông báo cho thí sinh dự tuyển;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP. Hà Nội (để đăng tải trên trang điện tử của Sở Y tế);
- Lưu VT, TCCB. (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH



SỞ Y TẾ

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nguyễn Khắc Hiền

DANH SÁCH CÁC THÍ SINH BẢNG ĐIỂM PHÒNG VẤN Ở CHỈ TIÊU CUỐI CÙNG TẠI KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số 139/TB-HDXT ngày 16 tháng 12/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế)

| STT | Số báo danh | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển | | Điểm phỏng vấn vòng 2 | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------|--------|-----------------------|-------------------------|---|-------------------------|-----------------------|---------|
| | | | | | | Vị trí việc làm | Chuyên ngành cần tuyển | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | ĐDIV-1883 | Nguyễn Thị | Linh | 08/06/1994 | BV Mắt Hà Đông | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 65,00 | |
| 2 | ĐDIV-2111 | Nguyễn Thị Bích | Nguyệt | 04/02/1990 | BV Mắt Hà Đông | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 65,00 | |
| 3 | BS-0493 | Đào Ngọc | Mai | 10/09/1992 | BV Mắt Hà Nội | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ Mắt | 80,00 | |
| 4 | BS-0554 | Trần Thị Như | Ngọc | 10/03/1994 | BV Mắt Hà Nội | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ Mắt | 80,00 | |
| 5 | KTYIV-3921 | Nguyễn Khắc | Huy | 06/11/1993 | BV Phụ Sản Hà Nội | Kỹ thuật y hạng IV | Kỹ thuật hình ảnh y học | 60,00 | |
| 6 | KTYIV-3924 | Vũ Ngọc | Huyền | 19/11/1981 | BV Phụ Sản Hà Nội | Kỹ thuật y hạng IV | Kỹ thuật hình ảnh y học | 60,00 | |
| 7 | BS-0074 | Lê Thị Hương | Chà | 26/02/1993 | BV Thanh Nhân | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ Da liễu | 90,50 | |
| 8 | BS-0242 | Trần Thị | Hằng | 07/11/1987 | BV Thanh Nhân | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ Da liễu | 90,50 | |
| 9 | HSIV-3547 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 24/06/1994 | BV Thanh Nhân | Hộ sinh hạng IV | Hộ sinh | 65,00 | |
| 10 | HSIV-3579 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 26/03/1993 | BV Thanh Nhân | Hộ sinh hạng IV | Hộ sinh | 65,00 | |
| 11 | HSIV-3689 | Cao Thị | Phượng | 25/11/1993 | BV Thanh Nhân | Hộ sinh hạng IV | Hộ sinh | 65,00 | |
| 12 | HSIV-3706 | Hoàng Minh | Thoa | 03/11/1994 | BV Thanh Nhân | Hộ sinh hạng IV | Hộ sinh | 65,00 | |
| 13 | ĐDIII-3401 | Phùng Thị Thanh | Huyền | 01/05/1997 | BVĐK Ba Vì | Điều dưỡng hạng III | Điều dưỡng | 61,00 | |
| 14 | ĐDIII-3448 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 09/11/1992 | BVĐK Ba Vì | Điều dưỡng hạng III | Điều dưỡng | 61,00 | |
| 15 | ĐDIV-1336 | Trịnh Thị | Hà | 10/07/1992 | BVĐK Chương Mỹ | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 70,00 | |
| 16 | ĐDIV-1708 | Trần Đình | Hữu | 14/05/1988 | BVĐK Chương Mỹ | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 70,00 | |
| 17 | ĐDIV-2532 | Lệnh Thị | Thủy | 30/11/1996 | BVĐK Đan Phượng | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 64,00 | |
| 18 | ĐDIV-2665 | Nguyễn Văn | Trường | 29/01/1992 | BVĐK Đan Phượng | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 64,00 | |
| 19 | BS-0352 | Nguyễn Thị Mai | Hương | 09/07/1994 | BVĐK Hà Đông | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ Y học cổ truyền | 76,00 | |
| 20 | BS-0944 | Trần Thị Thảo | Uyên | 16/05/1993 | BVĐK Hà Đông | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ Y học cổ truyền | 76,00 | |
| 21 | ĐDIII-3372 | Hoàng Thị | Hội | 13/03/1995 | BVĐK Hà Đông | Điều dưỡng hạng III | Điều dưỡng | 75,00 | |
| 22 | ĐDIII-3446 | Nguyễn Thị | Nga | 07/02/1995 | BVĐK Hà Đông | Điều dưỡng hạng III | Điều dưỡng | 75,00 | |
| 23 | DSIV-4489 | Lê Thanh | Thư | 09/12/1996 | BVĐK Phú Xuyên | Dược hạng IV | Dược | 50,00 | |

| STT | Số báo danh | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển | | Điểm phỏng vấn vòng 2 | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------|-------|-----------------------|-------------------------|---|-------------------------|-----------------------|---------|
| | | 3 | 4 | | | Vị trí việc làm | Chuyên ngành cần tuyển | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 24 | DSIV-4552 | Trương Thị | Vi | 10/04/1991 | BVĐK Phú Xuyên | Dược hạng IV | Dược | 50,00 | |
| 25 | ĐDIII-3413 | Cần Thị | Liên | 01/10/1997 | BVĐK Quốc Oai | Điều dưỡng hạng III | Điều dưỡng | 70,00 | |
| 26 | ĐDIII-3496 | Nguyễn Thị Phương | Thảo | 10/03/1991 | BVĐK Quốc Oai | Điều dưỡng hạng III | Điều dưỡng | 70,00 | |
| 27 | ĐDIV-1328 | Nguyễn Thị | Hà | 16/4/1988 | BVĐK Sóc Sơn | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 55,00 | |
| 28 | ĐDIV-1329 | Đoàn Thị Thu | Hà | 01/10/1997 | BVĐK Sóc Sơn | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 55,00 | |
| 29 | ĐDIV-1698 | Ngô Thị Thu | Hường | 12/9/1979 | BVĐK Sóc Sơn | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 55,00 | |
| 30 | ĐDIV-1732 | Ngô Thị Thu | Huyền | 04/9/1995 | BVĐK Sóc Sơn | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 55,00 | |
| 31 | ĐDIV-2051 | Chu Thị | Ngân | 13/11/1991 | BVĐK Sóc Sơn | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 55,00 | |
| 32 | KTYIV-3887 | Nguyễn Thị Thu | Hằng | 30/6/1994 | BVĐK Sóc Sơn | Kỹ thuật y hạng IV | Kỹ thuật hình ảnh y học | 60,00 | |
| 33 | KTYIV-4038 | Nguyễn Thị Anh | Thư | 10/8/1991 | BVĐK Sóc Sơn | Kỹ thuật y hạng IV | Kỹ thuật hình ảnh y học | 60,00 | |
| 34 | BS-0218 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 04/12/1992 | BVĐK Thạch Thất | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ đa khoa | 50,00 | |
| 35 | BS-0504 | Lê Thị Thanh | Mến | 28/02/1993 | BVĐK Thạch Thất | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ đa khoa | 50,00 | |
| 36 | ĐDIV-1434 | Bá Thị Hồng | Hạnh | 30/01/1994 | BVĐK Vân Đình | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 69,50 | |
| 37 | ĐDIV-1821 | Nguyễn Thị | Liên | 22/02/1994 | BVĐK Vân Đình | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 69,50 | |
| 38 | ĐDIV-2009 | Nguyễn Thị | Nga | 22/06/1988 | BVĐK Vân Đình | Điều dưỡng hạng IV | Điều dưỡng | 69,50 | |
| 39 | YS-2917 | Nguyễn Thị | Dung | 01/11/1992 | TTYT Hai Bà Trưng | Y sỹ (hạng IV) | Y sỹ đa khoa | 54,00 | |
| 40 | YS-3144 | Nguyễn Vũ Thanh | Thảo | 22/07/1978 | TTYT Hai Bà Trưng | Y sỹ (hạng IV) | Y sỹ đa khoa | 54,00 | |

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

DANH SÁCH BỔ SUNG KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC (VÒNG 2)
(Kèm theo Thông báo số 1394/TB-HĐXT ngày 16/12/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế)

| STT | Số báo danh | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển | | Điểm phỏng vấn | Diện ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------|------|-----------------------|-------------------------|---|------------------------|----------------|--------------|---------|
| | | | | | | Vị trí việc làm | Chuyên ngành cần tuyển | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | 10 | 11 |
| 1 | YS-3079 | Phạm Ánh | Ngọc | 15/11/1992 | TTYT Ba Đình | Y sỹ (hạng IV) | Y sỹ đa khoa | 80,00 | | |

